

THÔNG BÁO

Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/10 – 15/10/2026

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/10 - 15/10/2026 của các Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 58, trong đó gồm:

- 28 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 30 thông báo có hiệu lực.

2. Một số thông báo cần chú ý:

a) Liên minh châu Âu (EU) đăng 11 thông báo liên quan đến việc cấp phép và gia hạn cấp phép sử dụng phụ gia thức ăn chăn nuôi, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/EU/975 dự thảo Quy định về việc tái cấp phép sử dụng cồn chiết xuất hồi và tinh dầu hồi từ *Pimpinella anisum* L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật, đồng thời rút các phụ gia này khỏi thị trường đối với những loài không thuộc phạm vi được cấp phép.

- Thông báo G/SPS/N/EU/985, G/SPS/N/EU/983 và G/SPS/N/EU/976 ban hành các Quy định gia hạn cấp phép sử dụng các dạng vitamin K3, L-cysteine hydrochloride monohydrate và tocopherol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho các loài động vật thuộc phạm vi quy định.

- Nội dung các thông báo còn lại liên quan đến việc cấp phép sử dụng các loại tinh dầu chiết xuất từ đinh hương, sả, hương thảo, kinh giới ô, đại hồi, cùng với L-isoleucine và clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật.

b) Phi-líp-pin đăng 01 thông báo liên quan đến biện pháp kiểm dịch động vật và hạn chế nhập khẩu, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/PHL/545 ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời nhập khẩu động vật, sản phẩm và phụ phẩm động vật có nguy cơ cao mắc bệnh lở mồm long móng từ một số quốc gia, bao gồm Việt Nam. Một số sản phẩm đã qua xử lý vẫn được phép nhập khẩu nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thú y. Biện pháp có hiệu lực từ ngày 19/9/2026.

c) Hoa Kỳ đăng 04 thông báo liên quan đến mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và thành phần thực phẩm, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/USA/3599 và G/SPS/N/USA/3379/Add.1 ban hành các quyết định bãi bỏ biện pháp kiểm soát bệnh gỉ trắng hoa cúc do nấm *Puccinia horiana* gây ra, đồng thời điều chỉnh các yêu cầu nhập khẩu đối với cành giâm, cây cúc nuôi cấy mô và một số loại hoa cắt cành.

- Thông báo G/SPS/N/USA/3598 ban hành quy định mức MRL đối với muối natri của hoạt chất acifluorfen trên củ cải đường lấy củ là 0,06 ppm.

- Thông báo G/SPS/N/USA/3300/Add.1 ban hành quy định cho phép sử dụng men nướng bánh mì bất hoạt vitamin D2 làm nguồn bổ sung vitamin D2 trong một số nhóm thực phẩm.

d) Ca-na-đa đăng 02 thông báo liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1650 và G/SPS/N/CAN/1649 dự thảo quy định mức MRL đối với các hoạt chất Cyprodinil và Fludioxonil trên một số loại nông sản như quả na, chuối, quả hạch và nhóm trái cây nhiệt đới, cận nhiệt đới có vỏ không ăn được.

đ) Cam-pu-chia đăng 02 thông báo liên quan đến quản lý và kiểm soát an toàn thực phẩm đối với thủy sản, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/KHM/4 ban hành Quy định về kiểm soát và kiểm tra chất lượng, an toàn đối với cá và sản phẩm thủy sản, bao gồm các yêu cầu về vệ sinh, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát dư lượng thuốc thú y, hóa chất, chất gây ô nhiễm và áp dụng hệ thống HACCP trong sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản.

- Thông báo G/SPS/N/KHM/3 ban hành Luật Thủy sản quy định về quản lý, bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo đảm an toàn thực phẩm và quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cá và sản phẩm thủy sản

e) U-crai-na đăng 03 thông báo liên quan đến các quy định đối với sản phẩm sữa và dung môi chiết xuất sử dụng trong sản xuất thực phẩm, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/UKR/282 dự thảo Quyết định quy định danh mục các dung môi chiết xuất được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thành phần thực phẩm, cùng các điều kiện sử dụng và mức giới hạn tối đa dư lượng đối với một số dung môi.

- Thông báo G/SPS/N/UKR/281 dự thảo sửa đổi Lệnh số 801 ngày 19/01/2026 về yêu cầu đối với sữa, sản phẩm sữa và chất béo phết, trong đó điều chỉnh định nghĩa về bơ và quy định mức sai lệch cho phép đối với hàm lượng chất béo công bố trên sản phẩm.

- Thông báo G/SPS/N/UKR/280 dự thảo quy định mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép đối với các đồng vị phóng xạ như stronti-90, iốt-131, xêzi-134, xêzi-137, plutoni-239 và americi-241 trong thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi khi xảy ra sự cố hạt nhân hoặc phóng xạ.

g) Thổ Nhĩ Kỳ đăng 02 thông báo liên quan đến kiểm dịch thực vật và quản lý hương liệu thực phẩm, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/TUR/164 ban hành Quy trình hun trùng và khử trùng đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu, yêu cầu khai báo đầy đủ thông tin xử lý hun trùng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và kèm theo các tài liệu liên quan. Quy định có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

- Thông báo G/SPS/N/TUR/151/Add.1 ban hành Quy định về hương liệu thực phẩm và các thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương, quy định điều kiện sử dụng, ghi nhãn và sản xuất hương liệu khối. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ quy định chậm nhất đến ngày 31/12/2026.

h) Ai Cập đăng 06 thông báo liên quan đến việc sửa đổi tiêu chuẩn thực phẩm và quy định thời gian chuyển tiếp áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/EGY/186 dự thảo Tiêu chuẩn ES 3495 quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm và phương pháp thử nghiệm đối với cá đông lạnh nhanh dạng thanh, miếng cá và phi lê cá tẩm bột hoặc phủ bột nhào, phù hợp với Tiêu chuẩn Codex CXS 166-1989.

- Thông báo G/SPS/N/EGY/76/Add.2 và G/SPS/N/EGY/60/Add.4 ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp 06 tháng đối với các nhà sản xuất và nhập khẩu trong việc tuân thủ Tiêu chuẩn ES 1725 về cá muối và Tiêu chuẩn ES 804 về cá ngừ, cá ngừ vằn đóng hộp.

- Thông báo G/SPS/N/EGY/185 ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp 06 tháng đối với việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 1616 về sữa thanh trùng.

- Thông báo G/SPS/N/EGY/144/Add.1 ban hành quy định sửa đổi Tiêu chuẩn ES 1589 đối với nước uống đóng chai, đóng bình, trong đó quy định giới hạn tối đa hoạt độ phóng xạ Alpha là 0,5 Bq/l.

i) Cộng hòa Môn-đô-va đăng 04 thông báo liên quan đến điều kiện nhập khẩu động vật, sản phẩm có nguồn gốc động vật và yêu cầu chứng nhận sức khỏe động vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/MDA/43 và G/SPS/N/MDA/40 ban hành quy định về danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào Môn-đô-va, đồng thời quy định các điều kiện nhập khẩu và yêu cầu về sức khỏe động vật.

- Thông báo G/SPS/N/MDA/42 và G/SPS/N/MDA/41 ban hành quy định về mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật đối với động vật trên cạn, động vật thủy sản, sản phẩm sinh dục (tinh dịch, noãn, phôi) và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản nhập khẩu vào Môn-đô-va.

(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo; nội dung chi tiết của các thông báo gốc được đăng tải trên Cổng thông tin của Văn phòng SPS Việt Nam: www.spsvietnam.gov.vn)

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị, hiệp hội nghiên cứu góp ý bằng tiếng Anh và tiếng Việt (*nếu có*) gửi về Văn phòng **trước 03 ngày** so với thời hạn của mỗi Thông báo để Văn phòng tổng hợp gửi quốc gia đăng Thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Võ Văn Hưng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Các Cục: CNTY; TTBVTV; CCPT; TSKN;
- Cục XNK (Bộ Công Thương);
- Cục ATTP (Bộ Y tế);
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH-CN);
- Sở NNMT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Lưu: VT (MYC).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Nam

Phụ lục
DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
TỪ NGÀY 01 – 15/10/2026
(Kèm theo Thông báo số 837 /TB-SPS-BNNMT ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/BRA/2545	ATTP	Bra-xin	15/10/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết RDC số 88 và RDC số 90 sửa đổi quy định đối với vật liệu, bao bì và thiết bị bằng xenlulo tiếp xúc với thực phẩm.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết RDC số 88 và RDC số 90 sửa đổi quy định đối với vật liệu, bao bì và thiết bị bằng xenlulo tiếp xúc với thực phẩm. Dự thảo do Cơ quan Giám sát Y tế Quốc gia Bra-xin (Agência Nacional de Vigilância Sanitária -ANVISA) xây dựng, quy định về danh mục các chất được phép sử dụng, giới hạn hàm lượng và điều kiện sử dụng trong sản xuất vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. Cụ thể, dự thảo sửa đổi các yêu cầu đối với dầu silicone, nhựa silicone, chất phủ bề mặt, parafin và các chất phụ gia sử dụng trong vật liệu xenlulo. Theo đó, giới hạn hàm lượng hỗn hợp phân tán parafin chứa silicone tối đa 0,5% và dầu silicone tối đa 0,1% so với khối lượng xơ khô, tùy theo loại vật liệu và thành phần sử dụng. Dự thảo đồng thời bổ sung các yêu cầu về chất nhũ hóa, chất kháng khuẩn, hợp chất dùng trong lớp phủ, giới hạn tạp chất và điều kiện tiếp xúc với thực phẩm. Một số vật liệu phủ chỉ được phép sử dụng trong phạm vi nhiệt độ và đối với các loại thực phẩm nhất định. Các chất sử dụng phải đáp ứng các quy định tương ứng của ANVISA về an toàn vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 14/12/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/EGY/186	ATTP, CLCB	Ai Cập	14/10/2026	Ai Cập dự thảo Tiêu chuẩn ES 3495 quy định đối với cá đông lạnh nhanh dạng thanh, miếng cá và phi lê cá tẩm bột hoặc phủ bột nhào.	Ai Cập dự thảo Tiêu chuẩn ES 3495 quy định đối với cá đông lạnh nhanh dạng thanh, miếng cá và phi lê cá tẩm bột hoặc phủ bột nhào. Theo đó, dự thảo quy định các yêu cầu cơ bản và tiêu chí mô tả đối với sản phẩm cá đông lạnh nhanh được phủ bột nhào hoặc bột vụn, ở trạng thái chưa nấu chín hoặc đã được làm chín một phần. Đồng thời, dự thảo đưa ra các phương pháp kiểm tra và thử nghiệm nhằm đánh giá sự phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm. Dự thảo được xây dựng phù hợp với Tiêu chuẩn Codex CXS 166-1989. Các sửa đổi, bổ sung đối với Tiêu chuẩn Ai Cập sẽ được thông báo tới các nhà sản xuất và nhập khẩu thông qua các quyết định hành chính đăng trên Công báo. <i>Thời hạn góp ý trước ngày 13/12/2026.</i>
3	G/SPS/N/SAU/637	CNTY	Ả-rập Xê-út	13/10/2026	Ả-rập Xê-út dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về các yêu cầu chung đối với thức ăn chăn nuôi mới và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ công nghệ sinh học.	Ả-rập Xê-út dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về các yêu cầu chung đối với thức ăn chăn nuôi mới và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ công nghệ sinh học. Ả-rập Xê-út dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về các yêu cầu chung đối với thức ăn chăn nuôi mới và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ công nghệ sinh học. Theo đó, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Ả-rập Xê-út (SFDA) đánh giá an toàn và cấp phép trước khi lưu hành trên thị trường. Sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu về

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nguồn nguyên liệu Halal, thành phần dinh dưỡng, an toàn đối với sức khỏe động vật, con người và môi trường, đồng thời tuân thủ quy định về bao gói, ghi nhãn và giới hạn chất ô nhiễm. Dự thảo quy định việc đánh giá độc tính, khả năng gây dị ứng, biến đổi di truyền và tác động môi trường, đồng thời yêu cầu cung cấp hồ sơ khoa học chứng minh tính an toàn, hiệu quả của sản phẩm. Đối với protein có nguồn gốc từ côn trùng, dự thảo quy định các loài được phép sử dụng và yêu cầu phải có sự chấp thuận của SFDA đối với nguồn protein côn trùng khác chưa có trong danh mục. Các sản phẩm có nguồn gốc từ vi sinh vật và thực vật biến đổi gen phải được đánh giá bổ sung về tính ổn định di truyền, khả năng gây bệnh, tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 12/12/2026.</i>
4	G/SPS/N/JOR/50	ATTP	Gioóc-đa-ni	13/10/2026	Gioóc-đa-ni dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DJS 2434:2026 quy định các thuật ngữ và định nghĩa đối với thực phẩm biến đổi gen.	Gioóc-đa-ni dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DJS 2434:2026 quy định các thuật ngữ và định nghĩa đối với thực phẩm biến đổi gen. Theo đó, dự thảo đưa ra hệ thống thuật ngữ chuyên ngành về di truyền học và công nghệ sinh học, bao gồm cấu trúc, chức năng của ADN, ARN, gen, nhiễm sắc thể, các quá trình di truyền, biến đổi và chuyển gen. Đồng thời, dự thảo làm rõ các khái niệm liên quan đến sinh vật biến đổi gen, kỹ thuật chỉnh sửa gen, công nghệ ADN tái tổ hợp, lai tạo và các phương pháp ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất thực phẩm.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Bên cạnh đó, dự thảo quy định các thuật ngữ về phương pháp phân tích, phát hiện và xác định sinh vật biến đổi gen, bao gồm kỹ thuật phản ứng chuỗi polymerase (PCR), phương pháp phát hiện đặc hiệu sự kiện biến đổi gen, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng và truy xuất nguồn gốc đo lường. Dự thảo cũng đề cập đến các khái niệm về an toàn sinh học, quản lý rủi ro liên quan đến việc vận chuyển, sử dụng sinh vật biến đổi gen và bảo vệ sức khỏe con người, đa dạng sinh học. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 12/12/2026.</i>
5	G/SPS/N/SAU/629	TTBVT	Ả-rập Xê-út	12/10/2026	Ả-rập Xê-út dự thảo quy định về các yêu cầu kỹ thuật đối với nhà máy và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật y tế công cộng.	Ả-rập Xê-út dự thảo quy định về các yêu cầu kỹ thuật đối với nhà máy và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật y tế công cộng. Theo đó, dự thảo quy định vị trí nhà máy/kho phải được cơ quan chức năng phê duyệt trước, nằm cách xa khu dân cư (nếu ngoài khu công nghiệp), có tường rào bảo vệ cao ít nhất 1,5-2 mét, phân tách rõ ràng giữa khu hành chính, khu sản xuất, kho nguyên liệu, kho thành phẩm và khu vực chứa chất thải. Thiết kế nhà máy/kho phải đảm bảo thông gió tốt (tối thiểu 12 lần thay đổi không khí/giờ), hệ thống phòng cháy chữa cháy, chiếu sáng theo tiêu chuẩn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Thiết bị pha trộn và đóng gói trong nhà máy/kho phải được làm bằng vật liệu chống gỉ, kín khí; có hệ thống lọc, kiểm tra rò rỉ cho bình xịt; quản lý chất thải tuân thủ luật môi trường quốc gia. Nhà máy/kho phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, lập hệ thống mã hóa

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						truy xuất nguồn gốc, giữ mẫu đối chứng và lưu trữ đầy đủ hồ sơ kiểm nghiệm, phân tích trong suốt thời gian hiệu lực của sản phẩm. Nhà máy/kho phải cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị rửa mắt, vòi tắm khăn cấp, khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên (đặc biệt theo dõi men gan và các enzyme liên quan) và lưu trữ thuốc giải độc phù hợp. <i>Quy định dự kiến sẽ có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý đối với dự thảo đến ngày 11/12/2026.</i>
6	G/SPS/N/ARE/333 ¹	TTBVT	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật vùng Vịnh đối với sản phẩm A-ti-sô đóng hộp.	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật vùng Vịnh đối với sản phẩm A-ti-sô đóng hộp. Theo đó, sản phẩm được chế biến từ đế hoa A-ti-sô đã qua xử lý nhiệt để bảo quản phải giữ màu sáng tự nhiên, không bị biến màu do enzym; không có mùi vị lạ, tạp chất, côn trùng, nấm bệnh hoặc hư hỏng. Có thể đóng hộp nguyên đế hoa hoặc bỏ đôi (đồng nhất về kích thước, màu sắc). Phân hạng kích thước gồm: loại lớn (đường kính $\geq 6\text{cm}$), loại nhỏ ($\leq 6\text{cm}$) và loại bỏ mảnh (mỗi mảnh $\geq 20\text{g}$). Dự thảo cũng quy định sản phẩm phải tuân thủ độ pH không được vượt quá 4,6; hàm lượng axit tổng số không quá 0,5% (tính theo axit citric ngâm nước); muối ăn không quá 2%. Thê tích phân thực phẩm chiếm không dưới 90% dung tích nước của bao bì; độ chân không không dưới 100 mmHg. Khối lượng cạn nước (khối lượng cái) không dưới 60% đối với loại nhỏ/bỏ mảnh và 55% đối với loại lớn. Sản phẩm phải được áp dụng quy

¹ [G/SPS/N/ARE/333](#), [G/SPS/N/BHR/285](#), [G/SPS/N/KWT/215](#), [G/SPS/N/OMN/181](#), [G/SPS/N/QAT/184](#), [G/SPS/N/SAU/636](#), [G/SPS/N/YEM/125](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						trình kiểm soát vi sinh (kiểm tra pH định kỳ), tuyệt đối không chứa vi khuẩn <i>Clostridium botulinum</i>, bào tử hoặc độc tố của chúng. Ngoài ra, phải tuân thủ các giới hạn tối đa về kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng còn sinh học (ethanol), chất phụ gia và tiêu chuẩn vi sinh theo quy định GSO liên quan. Bao bì sản phẩm phải đảm bảo vệ sinh, không biến dạng hay rò rỉ. Vận chuyển và bảo quản sản phẩm ở nơi thoáng mát, nhiệt độ không quá 25°C. Nhãn sản phẩm phải tuân thủ GSO 9, ghi rõ tên sản phẩm, phân hạng/kích thước, hướng dẫn sử dụng, bảo quản và hạn sử dụng. <i>Quy định dự kiến sẽ có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>
7	G/SPS/N/ARE/332 ²	TTBVT	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn GSO 260:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với rau củ quả muối chua.	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn GSO 260:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với rau củ quả muối chua, áp dụng cho rau quả muối chua như hành, tỏi, xoài, củ cải, gừng, củ dền, mận, ớt, tim cò, bắp cải, xà lách, chanh, ngô non và mù tạt xanh. Dự thảo không áp dụng cho dưa chuột muối, kimchi, quả ô liu ăn trực tiếp, tương ớt và bắp cải lên men. Dự thảo quy định các yêu cầu chung: nguyên liệu phải đạt chuẩn và quá trình sản xuất bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; sản phẩm không chứa tạp chất, nấm mốc, côn trùng hay có dấu hiệu ôi thiu. Các chỉ tiêu về vi sinh vật, phụ gia, chất ô nhiễm, kim loại nặng, dư

² [G/SPS/N/ARE/332, G/SPS/N/BHR/284, G/SPS/N/KWT/214, G/SPS/N/OMN/180, G/SPS/N/QAT/183, G/SPS/N/SAU/635, G/SPS/N/YEM/124](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lượng thuốc bảo vệ thực vật, hương liệu và giới hạn cồn (ethanol) phải tuân thủ các tiêu chuẩn GSO tương ứng. Độ pH của sản phẩm không được vượt quá 4,6. Sản phẩm ngâm dầu phải có tỷ lệ dầu tối thiểu 10% khối lượng; dung dịch ngâm phải bảo đảm nồng độ muối hoặc axit đủ để bảo quản. Thành phần cơ bản bắt buộc gồm rau củ quả và môi trường ngâm (nước, muối, dầu, hoặc giấm). Các thành phần tùy chọn được phép bổ sung bao gồm: ngũ cốc, trái cây sấy khô, chiết xuất mạch nha, các loại hạt, đậu, nước mắm, nước tương, chất tạo ngọt (đường, mật ong), gia vị, thảo mộc, dầu ăn và sốt cà chua. Việc ghi nhãn tuân thủ quy định GSO 9 và 2281, yêu cầu thể hiện rõ: tên sản phẩm, môi trường ngâm, hình thức trình bày (đề nguyên, cắt lát, hạt lựu...), hướng dẫn bảo quản, sử dụng và hạn sử dụng. Dự thảo được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn Codex CXS 260-2007 (sửa đổi 2023). <i>Quy định dự kiến sẽ có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/ARE/331 ³	TTBVT	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn GSO 3632:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với nhụy hoa nghệ tây sấy khô thu được từ nhụy của hoa <i>Crocus sativus</i> L., được áp dụng ở dạng sợi, sợi cắt và dạng bột.	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn GSO 3632:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với nhụy hoa nghệ tây sấy khô thu được từ nhụy của hoa <i>Crocus sativus</i> L., được áp dụng ở dạng sợi, sợi cắt và dạng bột. Dự thảo quy định việc phân loại sản phẩm dựa trên hình dạng (dạng sợi, sợi cắt ngắn, dạng bột) và phân hạng chất lượng (Hạng Đặc biệt, Hạng I, Hạng II, Hạng III) căn cứ vào các chỉ tiêu hóa - lý. Các chỉ tiêu hóa học chủ yếu bao gồm độ ẩm, tổng hàm lượng tro, tro không tan trong axit, chất chiết xuất hòa tan trong nước lạnh, các chất bay hơi, cường độ tạo màu và hương vị. Các chỉ tiêu vật lý bao gồm tạp chất ngoại lai, tạp chất thực vật, tạp chất côn trùng, mức độ hư hỏng và nấm mốc. Dự thảo yêu cầu sản phẩm phải giữ được các đặc tính tự nhiên, không có mùi lạ; mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tuân thủ theo tiêu chuẩn GSO 382; giới hạn các chất ô nhiễm, độc tố (bao gồm cả aflatoxin) và kim loại nặng tuân thủ theo tiêu chuẩn GSO 193. Sản phẩm không được phép sử dụng phụ gia thực phẩm; không được lẫn các loài thực vật hoặc bộ phận của cây nào khác ngoài <i>Crocus sativus</i> L.; đồng thời quá trình sản xuất phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh theo tiêu chuẩn GSO 21 và GSO CAC/RCP 75. Trong trường hợp trên nhãn không ghi rõ hạng chất lượng, sản phẩm mặc định phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu tương đương Hạng III. Việc ghi nhãn hàng hóa phải tuân thủ tiêu chuẩn GSO 9 và GSO 2281, trong đó bắt buộc thể hiện các thông tin về hình dạng, phân hạng sản phẩm, quốc gia xuất xứ và nước thu hoạch.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>Quy định sẽ có hiệu lực thi hành sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 11/12/2026.</i>
9	G/SPS/N/ARE/330 ⁴	TTBVT	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO DS/1988:2026 về quả dâu tây tươi thuộc chi <i>Fragaria L.</i> , cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng, không áp dụng đối với dâu tây dùng trong chế biến công nghiệp.	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO DS/1988:2026 về quả dâu tây tươi thuộc chi <i>Fragaria L.</i>, cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng, không áp dụng đối với dâu tây dùng trong chế biến công nghiệp. Theo đó, dự thảo quy định dâu tây phải nguyên vẹn, sạch, tươi, không bị thối hỏng, không có sâu bệnh hoặc dấu hiệu hư hại do sinh vật gây hại, không có độ ẩm bất thường, mùi hoặc vị lạ. Quả phải đạt độ phát triển và độ chín phù hợp, có khả năng chịu được quá trình vận chuyển, bảo quản. Đồng thời, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh thực phẩm, giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chỉ tiêu vi sinh vật và chất ô nhiễm theo các tiêu chuẩn GSO liên quan. Dự thảo phân loại dâu tây thành ba hạng chất lượng gồm hạng đặc biệt (Extra), hạng I và hạng II. Trong đó, đường kính tối thiểu của quả là 25 mm đối với hạng đặc biệt và 18 mm đối với hạng I, hạng II, không quy định kích thước tối thiểu đối với dâu tây rừng. Dự thảo cũng quy định mức dung sai cho phép về chất lượng và kích thước của từng hạng.

³ [G/SPS/N/ARE/331, G/SPS/N/BHR/283, G/SPS/N/KWT/213, G/SPS/N/OMN/179, G/SPS/N/QAT/182, G/SPS/N/SAU/634, G/SPS/N/YEM/123](#)

⁴ [G/SPS/N/ARE/330, G/SPS/N/BHR/282, G/SPS/N/KWT/212, G/SPS/N/OMN/178, G/SPS/N/QAT/181, G/SPS/N/SAU/633, G/SPS/N/YEM/122](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Ngoài ra, dự thảo cũng quy định yêu cầu về bao gói, vận chuyển, bảo quản, lấy mẫu và phương pháp kiểm tra chất lượng. Nhãn sản phẩm phải ghi rõ tên sản phẩm, hạng chất lượng, khối lượng tịnh, nước xuất xứ, tên và địa chỉ của đơn vị đóng gói hoặc gửi hàng. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>
10	G/SPS/N/ARE/329 ⁵	CLCB	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO 836/2026 về sản phẩm cá đông lạnh tẩm bột áo và bột bánh mì.	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO 836/2026 về sản phẩm cá đông lạnh tẩm bột áo và bột bánh mì. Cụ thể, dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm cá dạng thanh, miếng và phi lê được phủ bột áo hoặc bột bánh mì, đã chiên sơ hoặc chưa chiên, sau đó cấp đông, quy chuẩn không áp dụng đối với các sản phẩm giáp xác tẩm bột. Theo đó, dự thảo quy định tỷ lệ thịt cá tối thiểu trong thành phẩm là 60% đối với cá dạng thanh, 65% đối với cá dạng miếng và 70% đối với cá phi lê. Nguyên liệu phải bảo đảm chất lượng, phù hợp cho người tiêu dùng. Dầu sử dụng trong quá trình chiên phải là dầu thực vật đáp ứng các tiêu chuẩn liên quan và được kiểm tra thường xuyên. Sản phẩm không được có xương, mùi vị lạ hoặc kết cấu không phù hợp. Dự thảo cũng quy định giới hạn histamine, yêu cầu kiểm soát vi sinh vật gây bệnh, độc tố, ký sinh trùng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng và các chất phụ gia thực phẩm. Đối với histamine, dự thảo nêu mức không vượt quá 20 mg/100 g áp dụng cho một số họ cá

⁵ [G/SPS/N/ARE/329](#), [G/SPS/N/BHR/281](#), [G/SPS/N/KWT/211](#), [G/SPS/N/OMN/177](#), [G/SPS/N/QAT/180](#), [G/SPS/N/SAU/632](#), [G/SPS/N/YEM/121](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhất định và mức trung bình của đơn vị mẫu không vượt quá 10 mg/100 g. Về bảo quản, sản phẩm phải được vận chuyển và lưu trữ ở nhiệt độ không cao hơn -18°C, với thời hạn sử dụng tối đa 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Nhãn sản phẩm phải thể hiện tên sản phẩm, loài cá sử dụng, tỷ lệ thịt cá, hướng dẫn sử dụng, nhiệt độ bảo quản và cảnh báo không cấp đông lại sau khi đã đông. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>
11	G/SPS/N/ARE/328 ⁶	TTBVT	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nhân hạt điều.	Các Tiêu Vương quốc Ả-rập thông nhất dự thảo Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với nhân hạt điều. Cụ thể, dự thảo tiêu chuẩn Tổ chức Tiêu chuẩn hóa các quốc gia vùng Vịnh (Gulf Standardization Organization - GSO) quy định các yêu cầu đối với nhân thu được từ quả của cây điều (<i>Anacardium occidentale</i> Linnaeus) được chế biến để tiêu dùng cho người. Theo dự thảo, nhân hạt điều phải tương đối khô, có hình dạng đặc trưng, không bị ôi thiu và hoàn toàn không chứa côn trùng sống, nấm mốc, mảnh vụn côn trùng, sự ô nhiễm từ động vật gặm nhấm hay các tổn thương do côn trùng gây ra có thể nhìn thấy bằng mắt thường. Độ ẩm của nhân hạt điều không được vượt quá 5% khối lượng. Về các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, dự thảo yêu cầu sản phẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn hiện hành của GSO. Cụ thể, mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật không

⁶ [G/SPS/N/ARE/328](#), [G/SPS/N/BHR/280](#), [G/SPS/N/KWT/210](#), [G/SPS/N/OMN/176](#), [G/SPS/N/QAT/179](#), [G/SPS/N/SAU/631](#), [G/SPS/N/YEM/120](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						được vượt quá giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn GSO 382. Giới hạn tối đa đối với các chất ô nhiễm và độc tố phải tuân thủ tiêu chuẩn GSO 193. Đồng thời, các chỉ tiêu vi sinh vật không được vượt quá mức cho phép quy định tại tiêu chuẩn GSO 1016. <i>Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày được công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>
12	G/SPS/N/ARE/327 ⁷	TTBVT	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO CD 489:2026 về gia vị bạch đậu khấu (thảo quả xanh).	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO CD 489:2026 về gia vị bạch đậu khấu (thảo quả xanh). Theo đó, dự thảo quy định các chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm đối với bạch đậu khấu nguyên quả, hạt và các dạng nghiền, bao gồm độ ẩm, hàm lượng tro, hàm lượng tinh dầu dễ bay hơi, tạp chất, tình trạng nhiễm côn trùng và nấm mốc. Đồng thời, quy định giới hạn vi sinh vật, độc tố nấm mốc, chất ô nhiễm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phụ gia thực phẩm theo các tiêu chuẩn liên quan. Dự thảo cũng quy định việc phân loại sản phẩm theo hình dạng, màu sắc, kích thước và chất lượng, cùng các yêu cầu về lấy mẫu, kiểm nghiệm, bao gói, vận chuyển, bảo quản và ghi nhãn. <i>Quy chuẩn dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.</i>

⁷ [G/SPS/N/ARE/327](#), [G/SPS/N/BHR/279](#), [G/SPS/N/KWT/209](#), [G/SPS/N/OMN/175](#), [G/SPS/N/QAT/178](#), [G/SPS/N/SAU/630](#), [G/SPS/N/YEM/119](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/ARE/177/Add.2 ⁸	ATTP, CNTY, CLCB	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất	12/10/2026	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất sửa đổi dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO 05 FDS 193:2026 về các chất ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.	Các Tiêu vương quốc Ả-rập Thống nhất sửa đổi dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật GSO 05 FDS 193:2026 về các chất ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Theo đó, dự thảo quy định mức giới hạn tối đa đối với các chất ô nhiễm và độc tố tự nhiên trong nhiều nhóm thực phẩm, bao gồm thủy sản, ngũ cốc, các loại hạt, rau quả, dầu thực vật, sữa và sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ nhỏ. Các chỉ tiêu được quy định gồm: độc tố sinh học biển, aflatoxin, ochratoxin A, fumonisin, zearalenone và một số độc tố tự nhiên khác. Đối với thức ăn chăn nuôi, dự thảo chỉ quy định giới hạn đối với các chất ô nhiễm và độc tố tự nhiên có khả năng chuyển sang thực phẩm có nguồn gốc động vật và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 11/12/2026.
14	G/SPS/N/PAN/120	TTBVT	Cộng hòa Pa-na- ma	09/10/2026	Cộng hòa Pa-na-ma dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Công nghệ thực phẩm DGNTI 108-2026 đối với củ, rễ và khoai tây chiên đông lạnh nhanh (thuộc loài <i>Solanum tuberosum</i> L.) dùng cho con người, áp dụng cho cả sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu.	Cộng hòa Pa-na-ma dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Công nghệ thực phẩm DGNTI 108-2026 đối với củ, rễ và khoai tây chiên đông lạnh nhanh (thuộc loài <i>Solanum tuberosum</i> L.) dùng cho con người, áp dụng cho cả sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Cụ thể, dự thảo quy định các hình thức trình bày (cắt tron, cắt gọn sóng), kích thước cắt ngang (như nhóm nhỏ, vừa, dày, rất dày), cùng các yếu tố về thành phần, nguyên liệu (khoai tây nguyên liệu không được vượt quá 30 ngày từ khi thu hoạch) và các chất phụ gia, dầu mỡ thực phẩm cho phép. Các chỉ tiêu chất lượng và phân loại khuyết tật (khuyết tật ngoại quan, khuyết tật chọn

⁸ [G/SPS/N/ARE/177/Add.2](#), [G/SPS/N/BHR/200/Add.2](#), [G/SPS/N/KWT/51/Add.2](#), [G/SPS/N/OMN/97/Add.2](#), [G/SPS/N/QAT/101/Add.2](#), [G/SPS/N/SAU/395/Add.2](#), [G/SPS/N/YEM/42/Add.2](#)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lọc, khuyết tật chiên), giới hạn độ ẩm tối đa (75% hoặc 78% tùy theo hình thức cắt), hàm lượng axit béo tự do trong dầu mỡ không quá 1,5% m/m (tính theo axit oleic), cùng các tiêu chuẩn về vệ sinh, vi sinh và giới hạn tối đa đối với chất ô nhiễm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo tiêu chuẩn Codex. Ngoài ra, quá trình lưu trữ, vận chuyển và bày bán tại điểm bán lẻ phải duy trì nhiệt độ nghiêm ngặt dưới -18°C, yêu cầu về bao gói, ghi nhãn (tên sản phẩm, nhà sản xuất, xuất xứ, ngày sản xuất, thành phần, số lô, trọng lượng tịnh, hạn sử dụng) và thủ tục đánh giá sự phù hợp, đăng ký vệ sinh, kiểm tra hải quan đối với hàng nhập khẩu cũng như hàng nội địa. Thời hạn góp ý đến trước 08/12/2026.
15	G/SPS/N/UKR/282	ATTP	U-crai-na	09/10/2026	U-crai-na dự thảo Quyết định về việc phê duyệt các yêu cầu đối với dung môi chiết xuất sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thành phần thực phẩm.	U-crai-na dự thảo Quyết định về việc phê duyệt các yêu cầu đối với dung môi chiết xuất sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thành phần thực phẩm. Theo đó, dự thảo quyết định cụ thể danh mục các dung môi chiết xuất được phép sử dụng, chia thành nhóm cho phép theo thực hành sản xuất tốt, nhóm áp dụng điều kiện cụ thể kèm giới hạn tối đa dư lượng, và nhóm dùng riêng cho hương liệu tự nhiên. Dung môi chiết xuất sử dụng trong sản xuất thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm phải đáp ứng các tiêu chí độ tinh khiết như: không chứa bất kỳ nguyên tố hoặc chất nào với lượng có thể gây nguy hiểm độc hại cho sức khỏe con người; không chứa quá 1 mg/kg thạch tín (Asen) hoặc quá 1 mg/kg chì; đáp ứng các tiêu chí độ tinh khiết đặc biệt nếu được quy định tại Bảng 4 của Phụ lục.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Phạm vi áp dụng bao gồm cả thực phẩm và thành phần thực phẩm nhập khẩu được sản xuất bằng các dung môi này (không áp dụng với dung môi dùng cho phụ gia, vitamin, khoáng chất trừ khi được liệt kê riêng, hoặc thực phẩm xuất khẩu đi nước ngoài). Thực phẩm và thành phần thực phẩm đáp ứng quy định pháp luật an toàn và chất lượng trước khi Quyết định có hiệu lực nhưng không đáp ứng các yêu cầu mới vẫn được phép nhập khẩu, sản xuất và/hoặc đưa ra thị trường trong vòng 03 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, và được phép lưu thông trên thị trường cho đến thời hạn sử dụng tốt nhất hoặc ngày hết hạn sử dụng. Quyết định này dự kiến sẽ có hiệu lực thi hành sau 6 tháng kể từ ngày được công bố chính thức. <i>Thời hạn góp ý trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo.</i>
16	G/SPS/N/CAN/1650	TTBVT	Ca-na-đa	08/10/2026	Ca-na-đa dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (PMRL2026-12) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Cyprodinil trong hoặc trên một số loại hàng hóa.	Ca-na-đa dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (PMRL2026-12) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Cyprodinil trong hoặc trên một số loại hàng hóa. Theo đó, dự thảo đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với Cyprodinil như sau: - Quả na (sugar apples): 4,0 ppm; - Trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; vỏ không ăn được (nhóm phụ cây trồng 24A): 2,0 ppm. Dự kiến, dự thảo sẽ được thông qua và công bố trong vòng 04 đến 05 tháng kể từ ngày tài liệu PMRL được đăng trên trang thông tin của Bộ Y tế Ca-na-đa và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 13/12/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/CAN/1649	TTBVT	Ca-na-đa	08/10/2026	Ca-na-đa dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (PMRL2026-11) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Fludioxoni trong hoặc trên một số loại hàng hóa.	Ca-na-đa dự thảo quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (PMRL2026-11) đối với hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật Fludioxoni trong hoặc trên một số loại hàng hóa. Theo đó, dự thảo đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với Fludioxoni như sau: - Trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới; quả nhỏ; vỏ không ăn được (nhóm phụ cây trồng 24A), quả na (sugar apples): 20 ppm; - Chuối: 4,0 ppm; - Quả hạch (nhóm cây trồng 14-11, ngoại trừ hạt hồ đào và hạt dẻ cười): 0,3 ppm; - Hạt hồ đào (pecan nuts): 0,01 ppm. Dự kiến, dự thảo sẽ được thông qua và công bố trong vòng 04 đến 05 tháng kể từ ngày tài liệu PMRL được đăng trên trang thông tin của Bộ Y tế Ca-na-đa và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 13/12/2026.</i>
18	G/SPS/N/UKR/281	BCT	U-crai-na	07/10/2026	U-crai-na dự thảo Lệnh sửa đổi Lệnh số 801 ngày 19/01/2026 về yêu cầu đối với sữa, sản phẩm sữa và chất béo phết.	U-crai-na dự thảo Lệnh sửa đổi Lệnh số 801 ngày 19/01/2026 về yêu cầu đối với sữa, sản phẩm sữa và chất béo phết. Dự thảo đề xuất sửa đổi yêu cầu đối với sữa, sản phẩm sữa và chất béo dạng phết dùng cho người tiêu dùng, được phê duyệt bởi Lệnh số 801 ngày 19/01/2026 (đã được thông báo tại G/SPS/N/UKR/262). Cụ thể: Thứ nhất, dự thảo làm rõ định nghĩa thuật ngữ “bơ” thay thế cụm từ “trực tiếp từ sữa hoặc kem” bằng cụm từ “từ sữa và/hoặc một số sản phẩm sữa”;

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Thứ hai, làm rõ sai lệch cho phép so với hàm lượng chất béo công bố trong chất béo phết bằng cách thiết lập dung sai theo điểm phần trăm: hàm lượng chất béo trung bình không được chênh lệch quá 1 điểm phần trăm so với công bố; hàm lượng chất béo trong từng mẫu riêng lẻ không được chênh lệch quá ± 2 điểm phần trăm so với công bố; và chênh lệch giữa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của năm kết quả riêng lẻ không được vượt quá 4 điểm phần trăm. Dự thảo Lệnh dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2029, cùng thời điểm Lệnh số 801 ngày 19/01/2026 có hiệu lực. Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày phát hành thông báo.
19	G/SPS/N/SLV/154	TTBVTV	Ên Xan-va-đo	07/10/2026	Ên Xan-va-đo dự thảo lần đầu Quy chuẩn Kỹ thuật RTS 67.08.02:26 đối với cà phê rang hạt và cà phê rang xay, quy định các yêu cầu về an toàn, chất lượng, ghi nhãn, đăng ký vệ sinh và cấp phép hoạt động cho cơ sở sản xuất.	Ên Xan-va-đo dự thảo Quy chuẩn Kỹ thuật RTS 67.08.02:26 (lần sửa đổi thứ nhất) về cà phê rang hạt và cà phê rang xay, quy định các yêu cầu về an toàn thực phẩm, chất lượng, ghi nhãn, đăng ký vệ sinh và cấp phép hoạt động cho các cơ sở sản xuất. Quy chuẩn áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân sản xuất và chế biến cà phê rang hạt và cà phê rang xay dùng cho người, sản xuất trong nước và nhập khẩu, dùng để tiêu thụ nội địa hoặc xuất khẩu. Quy chuẩn cũng áp dụng cho cà phê rang hạt hoặc xay có bổ sung chất tạo hương và tạo vị. Không áp dụng cho sản phẩm thay thế cà phê, đồ uống từ cà phê, hỗn hợp pha chế đồ uống nóng/lạnh từ cà phê và bột pha chế đồ uống từ cà phê. Chỉ tiêu lý hóa (Bảng 1): độ ẩm tối đa 5,0%; tro tổng số tối đa 5,0%; tạp chất lạ tối đa 0,1%; hàm lượng caffeine trong cà phê khử caffeine tối đa 0,15% (trên cơ sở khô).

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Giới hạn chất ô nhiễm (Bảng 2): Ochratoxin 10 µg/kg; Arsenic 0,20 mg/kg; Chì 0,50 mg/kg. Phân loại cỡ hạt (Bảng 3): hạt mịn <600 µm; hạt trung bình 600–1.200 µm; hạt thô >1.200 µm. Mức độ rang (Bảng 4): rất nhạt 95; nhạt 85; nhạt vừa 75; trung bình yếu 65; trung bình 55; sẫm vừa 45; sẫm 35; rất sẫm 25. Quy chuẩn yêu cầu đáp ứng chỉ tiêu vi sinh, phụ gia thực phẩm, ghi nhãn theo các quy chuẩn kỹ thuật Trung Mỹ (RTCA) tương ứng. Quy định chi tiết về tên sản phẩm, ghi nhãn cà phê khử caffeine, cà phê tạo hương/tạo vị, hỗn hợp cà phê, cụm từ “100% cà phê”, “cà phê gourmet” và chỉ dẫn địa lý. Quy trình đánh giá sự phù hợp gồm xác định chất lượng bởi ISC, xác định cỡ hạt và mức độ rang, đánh giá cảm quan theo thang Hiệp hội cà phê đặc sản (SCA) (dưới 80,00: dưới tiêu chuẩn; 80,00–84,99: rất tốt; 85,00–89,99: xuất sắc; từ 90,00 trở lên: đặc biệt xuất sắc). Cấp phép hoạt động và đăng ký vệ sinh do cơ quan quản lý vệ sinh (SRS) thực hiện. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026. Quy chuẩn có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày công bố trên Công báo.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
20	G/SPS/N/EGY/185	BCT	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc quy định thời gian chuyển tiếp 06 tháng đối với các nhà sản xuất và nhập khẩu trong việc tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập “ES 1616 về sữa thanh trùng (Pasteurized milk)”.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc quy định thời hạn chuyển tiếp 06 tháng đối với các nhà sản xuất và nhập khẩu trong việc tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập “ES 1616 về sữa thanh trùng (Pasteurized milk)”. Tiêu chuẩn ES 1616/2005 quy định các yêu cầu cơ bản và tiêu chí mô tả đối với sản phẩm sữa thanh trùng, được xây dựng dựa trên các nghiên cứu quốc gia của Ai Cập. Quy định mới dành cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để thực hiện tuân thủ. Các nhà sản xuất, nhập khẩu cập nhật các sữa đổi Tiêu chuẩn thông qua các quyết định hành chính được công bố trên Công báo chính thức của Ai Cập. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.
21	G/SPS/N/UKR/280	ATTP, CNTY	U-crai-na	06/10/2026	U-crai-na dự thảo Lệnh về việc phê duyệt các tiêu chuẩn y tế và vệ sinh quốc gia đối với mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.	U-crai-na dự thảo Lệnh về việc phê duyệt các tiêu chuẩn y tế và vệ sinh quốc gia đối với mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Theo đó, dự thảo quy định mức ô nhiễm phóng xạ tối đa cho phép đối với các đồng vị phóng xạ gồm stronti-90 (Sr-90), iốt-131 (I-131), xêzi-134 (Cs-134), xêzi-137 (Cs-137), plutoni-239 (Pu-239) và americi-241 (Am-241) trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân hoặc sự cố phóng xạ. Quy định áp dụng đối với thực phẩm, đồ uống, bao gồm đồ uống có cồn và thức ăn chăn nuôi đã hoặc có nguy cơ bị nhiễm phóng xạ, được sản xuất, lưu thông

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						trên thị trường U-crai-na hoặc nhập khẩu vào U-crai-na sau khi xảy ra sự cố. Các mức giới hạn này được áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố hoặc nhận được thông báo về sự cố hạt nhân, phóng xạ theo quy định pháp luật. Đồng thời, các mức giới hạn đối với Cs-137 và Sr-90 trong thực phẩm và nước uống theo Lệnh số 256 ngày 03/5/2006 của Bộ Y tế U-crai-na sẽ không được áp dụng trong những trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn mới. Dự thảo dự kiến có hiệu lực kể từ ngày công bố chính thức. <i>Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.</i>
22	G/SPS/N/TZA/552	ATTP, BCT	Tan-da-ni-a	05/10/2026	Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn AFDC 4 (4521) DTZS, ấn bản thứ hai về việc quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu ô liu thực phẩm và dầu bã ô liu thực phẩm dùng trực tiếp cho con người.	Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn AFDC 4 (4521) DTZS, ấn bản thứ hai về việc quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu ô liu thực phẩm và dầu bã ô liu thực phẩm dùng trực tiếp cho con người. Theo đó, dự thảo phân loại chi tiết và quy định các chỉ tiêu kỹ thuật riêng biệt cho các nhóm sản phẩm, bao gồm: dầu ô liu siêu nguyên chất (Extra virgin olive oil), dầu ô liu nguyên chất (Virgin olive oil), dầu ô liu tinh luyện (Refined olive oil), dầu ô liu hỗn hợp (hỗn hợp dầu ô liu tinh luyện và nguyên chất), dầu bã ô liu tinh luyện (Refined olive-pomace oil) và dầu bã ô liu hỗn hợp (hỗn hợp dầu bã ô liu tinh luyện và dầu ô liu nguyên chất). Dự thảo nghiêm cấm sử dụng tên gọi “dầu ô liu (Olive oil)” để đặt cho bất kỳ loại dầu bã ô liu nào.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo đồng thời quy định cụ thể các ngưỡng hóa lý nghiêm ngặt nhằm kiểm soát chất lượng và phát hiện gian lận thương mại. Ngoài ra, về quy định đóng gói và ghi nhãn, sản phẩm phải đóng kín trong bao bì chuyên dùng cho thực phẩm. Nhãn bắt buộc phải ghi rõ tên phân loại chuẩn xác của sản phẩm, thương hiệu, tên và địa chỉ nhà sản xuất/đóng gói, ngày sản xuất, hạn sử dụng, danh mục nguyên liệu, khối lượng/thể tích tịnh, số lô, nước xuất xứ và dấu chất lượng của Cục Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Bureau of Standards - TBS). Ngôn ngữ ghi nhãn là tiếng Xoa-hi-li hoặc song ngữ Xoa-hi-li và tiếng Anh (hoặc ngôn ngữ theo thị trường xuất khẩu). <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 04/12/2026.</i>
23	G/SPS/N/TZA/551	ATTP, CLCB, TTBVT	Tan-da-ni-a	05/10/2026	Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn AFDC 4 (4549) DTZS, ấn bản thứ hai về việc quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm nước cốt dừa và kem dừa dạng lỏng dùng làm thực phẩm cho con người.	Tan-da-ni-a dự thảo Tiêu chuẩn AFDC 4 (4549) DTZS, ấn bản thứ hai về việc quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm nước cốt dừa và kem dừa dạng lỏng dùng làm thực phẩm cho con người. Theo đó, dự thảo phân loại và quy định cụ thể các chỉ tiêu chất lượng cho 4 nhóm sản phẩm gồm: nước cốt dừa loãng, nước cốt dừa, kem dừa và kem dừa cô đặc. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính bao gồm: hàm lượng chất khô tổng số (từ tối thiểu 6,6% đến trên 37%), hàm lượng chất khô không béo (từ tối thiểu 1,6% đến trên 8,4%), hàm lượng chất béo (từ 5,0% đến trên 29%) và độ ẩm/chất bay hơi tương ứng với từng loại sản phẩm. Dự thảo quy định sản phẩm phải được chế biến từ cùi dừa (<i>Cocos nucifera</i> L.), nước hoặc bột kem dừa; được phép bổ sung natri caseinat và các phụ gia thực phẩm theo tiêu chuẩn CXS 192. Sản phẩm phải giữ được

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						màu sắc, hương vị đặc trưng, không chứa tạp chất lạ, đáp ứng các giới hạn vi sinh vật nghiêm ngặt (không được có <i>E. coli</i>, <i>Salmonella</i>, <i>Staphylococcus aureus</i>; nấm men/mốc không quá 10^2 cfu/g; tổng số vi sinh vật hiếu khí không quá 10^3 cfu/g), đồng thời tuân thủ giới hạn kim loại nặng (CXS 193) và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo cơ sở dữ liệu của Codex. Về quy định ghi nhãn và bao bì, sản phẩm phải được đóng gói trong vật liệu chuyên dùng cho thực phẩm. Nhân sản phẩm phải hiển thị đầy đủ tên gọi theo phân loại chuẩn, nhãn hiệu, địa chỉ nhà sản xuất/đóng gói, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thành phần, khối lượng tịnh, số lô và xuất xứ bằng tiếng Xoa-hi-li hoặc song ngữ Xoa-hi-li và tiếng Anh. Đối với sản phẩm hoàn nguyên từ bột hoặc cùi dừa sấy khô, nhãn bắt buộc phải ghi rõ cụm từ thể hiện sản phẩm hoàn nguyên, đồng thời công bố quy trình xử lý nhiệt và dán dấu chứng nhận chất lượng của Cục Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Bureau of Standards - TBS) sau khi được cấp phép. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 04/12/2026.</i>
24	G/SPS/N/RUS/362	BCT, ATTP	Liên bang Nga	05/10/2026	Liên bang Nga dự thảo sửa đổi Quyết định số 299 ngày 28/5/2010 về việc giải quyết tình trạng trùng lặp về quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch và vệ sinh dịch tễ.	Liên bang Nga dự thảo sửa đổi Quyết định số 299 ngày 28/5/2010 về việc giải quyết tình trạng trùng lặp về quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch và vệ sinh dịch tễ. Theo đó, dự thảo điều chỉnh phạm vi áp dụng của các yêu cầu vệ sinh dịch tễ thống nhất đối với các sản phẩm thuộc diện điều chỉnh của các quy chuẩn kỹ thuật Liên minh Hải quan, được sản xuất và lưu thông dựa trên các tài liệu đánh giá sự phù hợp đã được cấp hoặc tiếp nhận. Dự thảo đồng thời chuẩn hóa các cụm từ pháp lý, thay thế thuật ngữ

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cũ "Liên minh Hải quan" thành "Liên minh Kinh tế Á - Âu" trên toàn bộ các quy định liên quan đến biên giới và lãnh thổ hải quan. Dự thảo cũng bổ sung quy định về các điều khoản chuyển tiếp khi có sửa đổi, bổ sung đối với các yêu cầu vệ sinh dịch tễ thống nhất áp dụng cho các sản phẩm nằm trong Danh mục thống nhất nhưng chưa có quy chuẩn kỹ thuật riêng của EAEU. <i>Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 30/11/2026.</i>
25	G/SPS/N/ISR/14/Rev.2	ATTP, BCT	I-xra-en	05/10/2026	I-xra-en thông báo về việc áp dụng các sửa đổi của Liên minh châu Âu (EU) đối với điều kiện sử dụng phụ gia thực phẩm.	I-xra-en thông báo về việc áp dụng các sửa đổi của Liên minh châu Âu (EU) đối với điều kiện sử dụng phụ gia thực phẩm. Theo đó, dự thảo cập nhật tại I-xra-en các sửa đổi của EU đối với Quy định (EC) số 1333/2008 về phụ gia thực phẩm, không bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng mới. Nội dung tập trung điều chỉnh điều kiện sử dụng của nhiều loại phụ gia trong các nhóm thực phẩm khác nhau. Các sửa đổi bao gồm nhóm tartrat E 334–337 và E 354, axit sorbic E 200 và kali sorbat E 202, cellulose dạng bột E 460(ii), glucono-delta-lactone E 575, mono- và diglyceride của axit béo E 471, sáp carnauba E 903, lecithin E 322, axit béo E 570 và steviol glycoside E 960b sản xuất bằng lên men sử dụng <i>Yarrowia lipolytica</i>. Dự thảo sửa đổi việc sử dụng sodium carboxymethyl cellulose E 466 trong thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, sodium ascorbate E 301 trong chế phẩm vitamin A dùng cho sữa công thức, polyvinylpolypyrrolidone

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						E 1202 làm chất mang trong viên màu dùng trang trí vỏ trứng gia cầm, cùng các quy định đối với thực phẩm dùng cho chế độ dinh dưỡng đặc biệt. Ngoài ra, dự thảo cập nhật điều kiện sử dụng axit sorbic và kali sorbat trong mousse thực vật không xử lý nhiệt, chiết xuất quillaia E 999, shellac E 904 trong thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt, cùng carrageenan E 407, locust bean gum E 410, guar gum E 412, gum arabic E 414, xanthan gum E 415, pectin E 440 và starch sodium octenyl succinate E 1450. Thời hạn góp ý trước ngày 04/12/2026.
26	G/SPS/N/ISR/13/Rev.1	ATTP	I-xra-en	05/10/2026	I-xra-en thông báo về áp dụng các sửa đổi của Liên minh châu Âu (EU) đối với quy cách kỹ thuật của phụ gia thực phẩm.	I-xra-en thông báo về áp dụng các sửa đổi của Liên minh châu Âu (EU) đối với quy cách kỹ thuật của phụ gia thực phẩm. Theo đó, dự thảo áp dụng tại I-xra-en các sửa đổi của EU đối với Quy định (EU) số 231/2012 về quy cách của các phụ gia thực phẩm được liệt kê tại Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 1333/2008, không bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng mới. Nội dung sửa đổi tập trung cập nhật các yêu cầu về định nghĩa, mô tả, nhận dạng, độ tinh khiết, pH và một số chỉ tiêu kỹ thuật đối với nhiều phụ gia thực phẩm Các phụ gia được sửa đổi gồm axit sorbic (E 200), kali sorbat (E 202), propyl gallate (E 310), Rebaudioside M E 960b(i) được sản xuất bằng quá trình lên men sử dụng <i>Yarrowia lipolytica</i>, các dạng cellulose và dẫn xuất cellulose E 460, E 461, E 462, E 463, E 463a, E 464, E 465, E 466, E 468 và E 469.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo cũng cập nhật quy cách đối với chiết xuất quillaia (E 999), shellac (E 904), locust bean gum (E 410), guar gum (E 412), gum arabic/acacia gum (E 414), xanthan gum (E 415), pectin (E 440) và starch sodium octenyl succinate (E 1450). Trong đó, đối với shellac (E 904), dự thảo sửa đổi yêu cầu về định nghĩa, mô tả và hàm lượng sáp khi sử dụng trong thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt ở dạng viên nén hoặc viên nén bao. <i>Thời hạn góp ý trước ngày 04/12/2026.</i>
27	G/SPS/N/EU/975	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc tái cấp phép còn chiết xuất hồi và tinh dầu hồi từ <i>Pimpinella anisum</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật.	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc tái cấp phép còn chiết xuất hồi và tinh dầu hồi từ <i>Pimpinella anisum</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật. Theo đó, hai loại còn chiết xuất hồi và tinh dầu hồi được đề xuất tái cấp phép thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương, với phạm vi sử dụng giới hạn cho các loài và nhóm động vật được quy định tại Phụ lục của dự thảo. Đối với các loài và nhóm động vật không thuộc phạm vi được cấp phép, các phụ gia này sẽ bị rút khỏi thị trường. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), các phụ gia này không gây lo ngại về an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường khi sử dụng theo điều kiện đề xuất. Tuy nhiên, còn chiết xuất hồi và tinh dầu hồi có thể gây kích ứng da, mắt và mắt cảm qua da, đường hô hấp. Riêng tinh dầu hồi có hàm lượng estragole cao cần áp dụng các biện pháp bảo hộ phù hợp trong quá trình sử dụng. Dự thảo cũng quy định giới hạn hàm lượng tối đa, điều kiện sử dụng đồng thời với các phụ gia khác và các

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						biện pháp chuyển tiếp đối với sản phẩm đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Thời hạn góp ý trước ngày 01/12/2026. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 02/2027, có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.
28	G/SPS/N/ARE/326 ⁹	ATTP	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất	01/10/2026	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy định đối với thuốc bảo vệ thực vật.	Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất dự thảo Quy định đối với thuốc bảo vệ thực vật. Dự thảo quy định yêu cầu về đặc tính, phân loại thuốc bảo vệ thực vật theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS), bao gói, vận chuyển, lưu thông, sử dụng, bảo quản, ghi nhãn và điều kiện chấp nhận đối với thuốc trừ dịch hại hóa học. Sản phẩm phải được cấp phép sản xuất, nhập khẩu hoặc lưu thông, đáp ứng quy định về dư lượng tối đa trong nông sản và thực phẩm, bảo đảm hiệu lực và an toàn đối với sức khỏe con người, động vật và môi trường. Thời hạn sử dụng thông thường không quá 2 năm, thời gian từ ngày sản xuất đến khi đến cảng nước nhập khẩu không quá 6 tháng. Nhãn phải thể hiện bằng tiếng Ả Rập hoặc tiếng Ả Rập và tiếng Anh, kèm đầy đủ thông tin về thành phần, đăng ký, cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn sử dụng, bảo quản và xử lý. Mỗi lô hàng phải có Giấy chứng nhận xuất xứ và báo cáo phân tích xác nhận phù hợp với quy chuẩn. Thời hạn góp ý trước ngày 30/11/2026.

⁹ [G/SPS/N/ARE/326](#), [G/SPS/N/BHR/278](#), [G/SPS/N/KWT/208](#), [G/SPS/N/OMN/174](#), [G/SPS/N/QAT/177](#), [G/SPS/N/SAU/627](#), [G/SPS/N/YEM/118](#)

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/MDA/43	CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 43 22/01/2026 về việc phê duyệt quy định thiết lập danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép nhập khẩu động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào quốc gia này.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 43 22/01/2026 về việc phê duyệt quy định thiết lập danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép nhập khẩu động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào quốc gia này. Theo đó, Quyết định thiết lập các điều kiện cụ thể và bảo đảm về sức khỏe động vật cho các lô hàng nhập khẩu, quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe bắt buộc do quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất xứ cấp. Đồng thời, Quyết định cũng hệ thống hóa các tiêu chuẩn áp dụng cho từng nhóm đối tượng cụ thể như động vật móng guốc, động vật móng guốc trong khu vực cách ly, động vật họ ngựa, gia cầm, ong và loài bấp cày, chó mèo, các sản phẩm từ thịt, sữa, trứng, động vật thủy sản, v.v. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 196/2024 về sức khỏe động vật có hiệu lực và sẽ chính thức bãi bỏ vào ngày Cộng hòa Môn-đô-va gia nhập Liên minh Châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/MDA/42	CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 42/2026 về quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật đối với nhập khẩu động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 42 ngày 22/01/2026 về quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật đối với nhập khẩu động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng. Lệnh phê duyệt quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật và mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật kèm chứng nhận chính thức cho nhập khẩu vào Môn-đô-va các lô hàng thuộc một số loại động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng, chuyển thể quy định thực hiện (EU) 2021/403 của Ủy ban ngày 18/3/2021, được sửa đổi lần cuối bởi Quy định thực hiện (EU) 2025/544 ngày 25/3/2025. Phạm vi áp dụng gồm nhiều loại động vật trên cạn (trâu bò, lợn, cừu, dê, ngựa, lạc đà, hươu, gia cầm, ong, chó, mèo, chồn sương, động vật hoang dã, linh trưởng...) và sản phẩm sinh dục (tinh dịch, noãn, phôi). Văn bản gồm Lệnh, Quy định (Chương I–XXIII) và ba Phụ lục: 68 chương mẫu giấy chứng nhận cho vận chuyển nội địa, 68 chương mẫu cho nhập khẩu và 2 mẫu tờ khai cho vận tải biển và trung chuyển ngựa. Các yêu cầu chính gồm: bác sĩ thú y chính thức điền và ký giấy chứng nhận; xử lý đúng các tuyên bố thay thế; cấp giấy chứng nhận trước khi lô hàng rời khỏi sự kiểm soát; sử dụng tiếng Romania hoặc ngôn ngữ quốc tế; công nhận chứng nhận điện tử và TRACES; quy định thay thế giấy chứng nhận khi có lỗi hành chính, hư hỏng hoặc mất mát. <i>Lệnh có hiệu lực từ ngày 07/5/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/MDA/41	CLCB, CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 64 02/02/2026 về việc quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật áp dụng cho việc vận chuyển động vật thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản khi nhập khẩu vào quốc gia này.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 64 02/02/2026 về việc quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật áp dụng cho việc vận chuyển động vật thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản khi nhập khẩu vào quốc gia này. Theo đó, Quy định yêu cầu giấy chứng nhận phải do bác sĩ thú y chính thức lập, điền thông tin và ký kết. Chữ ký và con dấu của bác sĩ thú y phải có màu khác với màu văn bản in (trừ các con dấu bảo mật đập nổi), các tuyên bố không liên quan phải được gạch bỏ, ký nháy và đóng dấu. Chứng nhận phải đảm bảo tính nguyên vẹn (gồm một trang hoặc chuỗi trang được đánh số thứ tự tuần tự và có mã định danh duy nhất do cơ quan có thẩm quyền cấp). Ngôn ngữ bắt buộc là tiếng Rô-ma-ni-a (có thể kèm bản dịch nước ngoài phục vụ thương mại quốc tế). Giấy chứng nhận sức khỏe động vật có giá trị sử dụng trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp (đối với vận tải đường thủy/hàng hải, thời hạn này được kéo dài theo thời gian hành trình thực tế của tàu). Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp giấy chứng nhận thay thế trong trường hợp có sai sót hành chính hoặc chứng nhận gốc bị hư hỏng/mất. Chứng nhận thay thế không được thay đổi các thông tin cốt lõi về nhận diện lô hàng, tính truy xuất nguồn gốc và các bảo đảm ban đầu; đồng thời phải ghi rõ mã tham chiếu và ngày tháng của bản gốc. Quyết định được thông qua vào ngày 02/02/2026 và dự kiến có hiệu lực vào ngày 13/11/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/MDA/40	CNTY, CLCB	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 44 phê duyệt Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm vào Môn-đô-va.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 44 phê duyệt Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm vào Môn-đô-va. Lệnh được ban hành theo Luật số 82/2024 về kiểm soát chính thức trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, đồng thời nội luật hóa Quy định thực thi (EU) 2021/405 của Liên minh châu Âu. Cụ thể, Lệnh quy định danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu từng nhóm sản phẩm vào Môn-đô-va, bao gồm thịt tươi, sản phẩm thịt, gia cầm, trứng, thủy sản, động vật thân mềm, sữa và sản phẩm sữa, mật ong, gelatin, collagen và các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác. Việc cho phép nhập khẩu căn cứ vào danh sách được phê duyệt theo từng nhóm sản phẩm, đồng thời xem xét việc đáp ứng các yêu cầu về kiểm soát chất có hoạt tính được lý, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất ô nhiễm, an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật. Các quốc gia và vùng lãnh thổ phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng nhóm hàng hóa theo các phụ lục của Lệnh. Lệnh có hiệu lực từ ngày 07/5/2026.
5	G/SPS/USA/3599	TTBVT	Hoa Kỳ	14/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quyết định bãi bỏ kiểm soát đối với bệnh gỉ trắng hoa cúc và cho phép nhập khẩu cành giâm, cây cúc nuôi cấy mô (<i>Chrysanthemum</i> spp.).	Hoa Kỳ ban hành quyết định bãi bỏ kiểm soát đối với bệnh gỉ trắng hoa cúc và cho phép nhập khẩu cành giâm, cây cúc nuôi cấy mô (<i>Chrysanthemum</i> spp.). Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ (Animal and Plant Health Inspection Service - APHIS) đã rà soát, cập nhật các tài liệu đánh giá nhập khẩu hàng hóa và danh mục sinh vật gây hại trên cơ sở kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) đã được công bố lấy ý kiến trước đó. Kết quả đánh giá xác định việc nhập khẩu các loại vật liệu nhân giống hoa cúc nêu trên

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						từ 21 quốc gia như sau: Bỉ, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ca-na-đa, Cốt-xta Ri-ca, En Xan-va-đo, Ê-ti-ô-pi-a, Đức, Goa-tê-ma-la, Kê-ni-a, Mê-hi-cô, Hà Lan, Ni-ca-ra-go-a, Pa-na-ma, Tây Ban Nha, Tan-da-ni-a, Tuy-ni-di, U-gan-đa, Vương quốc Anh và Việt Nam không gây nguy cơ du nhập sinh vật gây hại kiểm dịch trên vào Hoa Kỳ. <i>Quy định có hiệu lực từ ngày 09/11/2026.</i>
6	G/SPS/N/USA/3379/Add.1	TTBVT	Hoa Kỳ	14/10/2026	Hoa Kỳ ban hành sửa đổi quy định về nhập khẩu hoa cắt cành, bãi bỏ các hạn chế liên quan đến bệnh gỉ trắng hoa cúc do nấm <i>Puccinia horiana</i> gây ra.	Hoa Kỳ ban hành sửa đổi quy định về nhập khẩu hoa cắt cành, bãi bỏ các hạn chế liên quan đến bệnh gỉ trắng hoa cúc do nấm <i>Puccinia horiana</i> gây ra. Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ (Animal and Plant Health Inspection Service - APHIS) loại bỏ các yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại hoa cắt cành khỏi văn bản quy định hiện hành và chuyển sang quản lý thông qua cơ sở dữ liệu Yêu cầu nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp (Agricultural Commodity Import Requirements - ACIR) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ. Đồng thời, Hoa Kỳ bãi bỏ toàn bộ các hạn chế nhập khẩu đối với hoa cắt cành thuộc các chi <i>Chrysanthemum</i>, <i>Leucanthemella</i> và <i>Nipponanthemum</i> từ những quốc gia có ghi nhận bệnh gỉ trắng hoa cúc. Việc sửa đổi cho phép APHIS cập nhật các yêu cầu nhập khẩu thông qua cơ chế thông báo, đơn giản hóa thủ tục quản lý. <i>Hiệu lực từ ngày 09/11/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/JPN/1433	TTBVTV	Nhật Bản	09/10/2026	Nhật Bản ban hành biện pháp khẩn cấp ngăn ngừa sự xâm nhập của tuyến trùng <i>Meloidogyne enterolobii</i> .	Nhật Bản ban hành biện pháp khẩn cấp ngăn ngừa sự xâm nhập của tuyến trùng <i>Meloidogyne enterolobii</i>. Theo đó, biện pháp áp dụng đối với các bộ phận dưới mặt đất của cây sống có khả năng sử dụng làm vật liệu trồng trọt thuộc danh mục quy định có nguồn gốc từ I-ta-li-a và cây <i>Hosta plantaginea</i> có nguồn gốc từ các nước, vùng lãnh thổ có sự xuất hiện của tuyến trùng này, trong đó có Việt Nam. Quy định yêu cầu cây phải được trồng tại cơ sở sản xuất hoặc địa điểm sản xuất chưa từng ghi nhận sự xuất hiện của <i>M. enterolobii</i> hoặc đã loại trừ hoàn toàn sinh vật gây hại này. Đồng thời, cây phải được kiểm tra trong mùa sinh trưởng, giá thể trồng và các bộ phận dưới mặt đất phải được xét nghiệm bằng phương pháp phù hợp và xác nhận không nhiễm <i>M. enterolobii</i>. Cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu phải bổ sung nội dung xác nhận đáp ứng yêu cầu tại mục 13, Bảng 2-2 của Phụ lục kèm theo Quy định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ thực vật trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc bản sao được chứng nhận. Biện pháp không áp dụng đối với cây sống được nuôi cấy vô trùng, đóng kín trong ống nghiệm, bình nuôi cấy hoặc vật chứa tương tự và nhập khẩu trong tình trạng không nhiễm sinh vật gây hại kiểm dịch. <i>Quy định có hiệu lực từ ngày 30/9/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/TUR/164	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	07/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy trình hun trùng và khử trùng đối với việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy trình hun trùng và khử trùng đối với việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác. Theo đó, khi nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác vào Thổ Nhĩ Kỳ, sản phẩm phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan bảo vệ thực vật chính thức của nước xuất khẩu cấp, gửi cho Thổ Nhĩ Kỳ và tuân thủ tiêu chuẩn ISPM 12. Thông tin về xử lý tại nước xuất khẩu phải được ghi rõ trong mục “Xử lý khử trùng và/hoặc khử khuẩn” của Giấy chứng nhận. Trường hợp hun trùng do nước xuất khẩu thực hiện, dù theo yêu cầu của Thổ Nhĩ Kỳ hay không, tất cả các biện pháp xử lý phải được ghi đầy đủ trong mục tương ứng của Giấy chứng nhận. Hun trùng là biện pháp kiểm soát dịch hại quan trọng đối với thực vật, sản phẩm thực vật, giúp kiểm soát dịch hại, giảm tổn thất sản phẩm và đáp ứng yêu cầu kiểm dịch. Quy định về Kiểm dịch thực vật yêu cầu hun trùng phải được thực hiện bởi nước xuất khẩu đối với một số sản phẩm nhất định. Tuy nhiên, ngay cả khi không bắt buộc theo Quy định, một số nước xuất khẩu vẫn hun trùng lô hàng để giảm nguy cơ nhiễm sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển. Do thuốc bảo vệ thực vật dùng để hun trùng có độc tính, gây rủi ro cho sinh vật sống, an toàn thực phẩm và môi trường, nên để phòng ngừa rủi ro, chi tiết xử lý hun trùng phải được khai báo đầy đủ trên Giấy chứng nhận đối với tất cả lô hàng đã hun trùng, và tài liệu hun trùng liên quan phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. <i>Quy định có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/PHL/545	CNTY	Cộng hòa Phi-líp-pin	07/10/2026	Phi-líp-pin ban hành Thông báo về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp và cấm tạm thời việc nhập khẩu động vật, sản phẩm và phụ phẩm từ động vật có nguy cơ cao mắc bệnh lở mồm long móng từ một số quốc gia bị ảnh hưởng, bao gồm Việt Nam.	Phi-líp-pin ban hành Thông báo về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp và cấm tạm thời việc nhập khẩu động vật, sản phẩm và phụ phẩm từ động vật có nguy cơ cao mắc bệnh lở mồm long móng (Foot and Mouth Disease - FMD) từ một số quốc gia bị ảnh hưởng, bao gồm Việt Nam. Theo đó, Phi-líp-pin cấm nhập khẩu thịt cơ, ruột động vật, mỡ động vật, móng và sừng, động vật sống thuộc các họ lợn, bò, hươu, nai và tinh dịch của các loài này. Tuy nhiên, một số sản phẩm vẫn được phép nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện kiểm dịch thú y, bao gồm sữa và sản phẩm sữa xử lý ở nhiệt độ siêu cao (Ultra-High Temperature - UHT), sản phẩm thịt xử lý nhiệt trong bao bì kín có giá trị F_0 (sử dụng nhiệt độ 121°C để loại bỏ/tiêu diệt tất cả các vi sinh vật có trong thực phẩm) từ 3 phút trở lên, bột protein, gelatin, da xử lý bằng vôi, da ngâm axit và da thuộc bán thành phẩm. Các lô hàng không đáp ứng điều kiện nhập khẩu sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành, trong đó hàng hóa thuộc diện cấm sẽ bị đình chỉ nhập khẩu và tịch thu tại các cửa khẩu. <i>Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 19/9/2026.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EGY/180/Add.1	BCT	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn “ES 8205-1 về yêu cầu chung đối với các sản phẩm thay thế thuốc lá truyền thống - Phần 1: Thuốc lá điện tử (dung dịch điện tử – e-liquid)”.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn “ES 8205-1 về yêu cầu chung đối với các sản phẩm thay thế thuốc lá truyền thống - Phần 1: Thuốc lá điện tử (dung dịch điện tử – e-liquid)”. Cụ thể: - Mục 3/6 được sửa đổi thành: Dung tích chất lỏng trong đầu lọc/hộp chứa (cartridge theo khoản 2/4) chứa dung dịch điện tử (e-liquid), được thiết kế sử dụng một lần và lắp với thiết bị gia nhiệt riêng, không vượt quá 20 ml; - Mục 3/7 được sửa đổi thành: Dung tích của bình chứa dung dịch điện tử (e-liquid) tích hợp trong cùng một sản phẩm không được vượt quá 20 ml. Quy định mới dành cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ tiêu chuẩn sửa đổi. Các nhà sản xuất, nhập khẩu cập nhật các sửa đổi Tiêu chuẩn thông qua các quyết định hành chính được công bố trên Công báo chính thức của Ai Cập. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/EGY/144/Add.1	BCT	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn “ES 1589 về Tiêu chuẩn chung đối với nước uống đóng chai/đóng bình (ngoài nước khoáng thiên nhiên)”.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn “ES 1589 về Tiêu chuẩn chung đối với nước uống đóng chai/đóng bình (ngoài nước khoáng thiên nhiên)”. Theo đó, mục 3/4/1/5 về thử nghiệm đặc tính phóng xạ được sửa đổi thành: Hoạt độ phóng xạ Alpha (α) có giới hạn tối đa cho phép là 0,5 Bq/l. Quy định mới dành cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ tiêu chuẩn sửa đổi. Các nhà sản xuất, nhập khẩu cập nhật các sửa đổi Tiêu chuẩn thông qua các quyết định hành chính được công bố trên Công báo chính thức của Ai Cập. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.
12	G/SPS/N/EGY/76/Add.2	CLCB	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 1725 đối với cá muối.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 1725 đối với cá muối. Theo đó, Nghị định được thông qua ngày 21/9/2026, cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu có thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1725 về cá muối. Tiêu chuẩn này phù hợp với Tiêu chuẩn Codex CXS 244 về cá trích Đại Tây Dương muối và cá trích cơm muối, được thông qua năm 2004 và sửa đổi vào các năm 2011, 2013, 2016, 2018 và 2024. Trước đó, phiên bản cũ của tiêu chuẩn đã được áp dụng bắt buộc theo Nghị định số 256/2016 và dự thảo sửa đổi đã được thông báo tới WTO ngày 07/4/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.
13	G/SPS/N/EGY/60/Add.4	CLCB	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 804 đối với cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 804 đối với cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp. Theo đó, Nghị định được thông qua ngày 21/9/2026, cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu có thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 804. Tiêu chuẩn này tương đương về mặt kỹ thuật với Tiêu chuẩn Codex CXS 70-1981 về cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp, được thông qua năm 1981, sửa đổi năm 1995 và bổ sung vào các năm 2011, 2013, 2016, 2018 và 2024. Trước đó, các phiên bản cũ của tiêu chuẩn đã được áp dụng bắt buộc theo Nghị định số 256/2016 và dự thảo sửa đổi gần nhất đã được thông báo tới WTO ngày 07/4/2026. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.
14	G/SPS/N/KHM/4	CLCB	Cam-pu-chia	06/10/2026	Cam-pu-chia ban hành Quy định về kiểm soát và kiểm tra chất lượng, an toàn đối với cá và sản phẩm thủy sản.	Cam-pu-chia ban hành Quy định về kiểm soát và kiểm tra chất lượng, an toàn đối với cá và sản phẩm thủy sản. Quy định gồm 5 chương, áp dụng đối với hoạt động sản xuất, chế biến, xuất khẩu và nhập khẩu cá, sản phẩm thủy sản, bao gồm thực vật thủy sinh, động vật thủy sản và các sản phẩm có nguồn gốc từ các đối tượng này. Theo đó, Quy định đưa ra các yêu cầu về điều kiện vệ sinh trong nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển, đóng gói và ghi nhãn sản phẩm, đồng thời yêu cầu các cơ sở sản xuất, chế biến thực hiện

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						truy xuất nguồn gốc, kiểm soát an toàn thực phẩm và áp dụng hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Point - HACCP). Bên cạnh đó, Quy định hướng dẫn hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, bao gồm đăng ký, phê duyệt cơ sở, lấy mẫu kiểm nghiệm, kiểm soát dư lượng thuốc thú y, hóa chất và các chất gây ô nhiễm, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với sản phẩm xuất khẩu và xử lý các trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Ngoài ra, quy định cũng yêu cầu đối với kiểm tra hồ sơ, giấy chứng nhận, điều kiện an toàn thực phẩm và lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết. <i>Quy định có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.</i>
15	G/SPS/N/KHM/3	CLCB	Cam-pu-chia	06/10/2026	Cam-pu-chia ban hành Luật Thủy sản.	Cam-pu-chia ban hành Luật Thủy sản. Bộ luật bao gồm 15 chương và 104 điều, quy định về quản lý, bảo tồn và phát triển ngành thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững. Theo đó, Luật tập trung vào bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, bảo vệ sức khỏe con người, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại và quá cảnh cá, sản phẩm thủy sản, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của ngư dân, cộng đồng nghề cá, người nuôi trồng thủy sản và các cơ sở kinh doanh thủy sản. Phạm vi áp dụng bao gồm thực vật thủy sinh, động vật thủy sản, các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật thủy sinh, động vật thủy sản và các đối tượng khác thuộc diện quản lý. Bên cạnh đó, Luật đề cập đến việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh và hài hòa các quy định về an toàn thực phẩm với tiêu chuẩn quốc tế, trong đó có

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm (CXC 1-1969) và Quy phạm thực hành đối với cá và sản phẩm thủy sản (CXC 52-2003) của Codex. <i>Luật có hiệu lực từ ngày 28/6/2025.</i>
16	G/SPS/N/TUR/151/Add.1	ATTP	Thổ Nhĩ Kỳ	05/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về hương liệu thực phẩm và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về hương liệu thực phẩm và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm (Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/TUR/151 ngày 22/11/2024). Quy định đưa ra các yêu cầu đối với hương liệu thực phẩm, thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương, nguyên liệu nguồn được sử dụng trong sản xuất, điều kiện sử dụng và nguyên tắc ghi nhãn, đồng thời quy định điều kiện sản xuất đối với hương liệu khói. Một số chất tạo hương được liệt kê trong điều khoản chuyển tiếp sẽ không còn được phép đưa ra thị trường, sử dụng trong sản xuất thực phẩm hoặc nhập khẩu kể từ ngày 31/12/2026. Quy định có hiệu lực kể từ ngày đăng Công báo, tức ngày 14/9/2026. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải tuân thủ các quy định chậm nhất đến ngày 31/12/2026. Các sản phẩm đã được đưa ra thị trường trước ngày 31/12/2026 được phép tiếp tục lưu hành đến hết thời hạn sử dụng theo các quy định chuyển tiếp.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/NIC/377	CNTY	Cộng hòa Ni-ca-ra-go	05/10/2026	Ni-ca-ra-go ban hành Nghị quyết số 035-2026 quy định về đăng ký và truy xuất nguồn gốc đối với lợn.	Ni-ca-ra-go ban hành Nghị quyết số 035-2026 quy định về đăng ký và truy xuất nguồn gốc đối với lợn. Theo đó, Nghị quyết quy định các yêu cầu hành chính, kỹ thuật và vệ sinh bắt buộc đối với việc đăng ký, nhận diện và truy xuất nguồn gốc lợn trên toàn lãnh thổ Ni-ca-ra-go. Quy định áp dụng đối với các trang trại lợn, cơ sở thu gom, trung tâm giống, đơn vị vận chuyển, thương nhân, cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh thịt lợn. Các cơ sở và chủ thể liên quan phải đăng ký trên hệ thống TRAZARAGRO và được cấp Mã cơ sở duy nhất Cédigo Unico de Establecimiento - CUE. Lợn khi vận chuyển phải được nhận diện từ cơ sở xuất phát hoặc cơ sở thu gom. Đối với lợn giống, lợn nhập khẩu và lợn xuất khẩu, việc nhận diện cá thể bằng thẻ tai chính thức sử dụng công nghệ (Identificación por Radiofrecuencia - RFID) là bắt buộc. Lợn từ các trang trại gia đình hoặc chăn nuôi nhỏ lẻ có thể được nhận diện theo cá thể hoặc theo lô. Mọi hoạt động vận chuyển lợn trong lãnh thổ Ni-ca-ra-go phải có Giấy hướng dẫn vận chuyển và kiểm soát vệ sinh duy nhất (Guía Única de Movilización y Control Sanitario - GUIASA), được cấp dưới dạng bản giấy hoặc điện tử thông qua hệ thống TRAZARAGRO. GUIASA có hiệu lực tối đa 72 giờ và chỉ áp dụng cho một lần vận chuyển. Các cơ sở giết mổ phải kiểm tra GUIASA trước khi tiếp nhận, giết mổ và phải thông báo cho (Instituto de Protección y Sanidad Agropecuaria - IPSA) khi phát hiện sai lệch hồ sơ hoặc dấu hiệu bệnh trên động vật.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việc triển khai được thực hiện theo lộ trình, trong đó đăng ký các trang trại quy mô công nghiệp, bán công nghiệp và cơ sở thu gom được áp dụng ngay. Yêu cầu bắt buộc về GUIASA được áp dụng sau 6 tháng, còn nhận diện theo lô và nhận diện cá thể bằng RFID đối với lợn giống, lợn nhập khẩu và xuất khẩu được áp dụng chậm nhất sau 18 tháng kể từ ngày ký Nghị quyết. <i>Nghị quyết được ban hành ngày 12/5/2026.</i>
18	G/SPS/N/NIC/376	CNTY	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa	05/10/2026	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 046-2026 quy định về một số chất sử dụng trong thú y bị cấm và hạn chế.	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 046-2026 quy định về một số chất sử dụng trong thú y bị cấm và hạn chế. Theo đó, Nghị quyết quy định việc kiểm soát sử dụng và lưu hành các chất dùng trong thú y thuộc diện cấm hoặc hạn chế, trong đó cấm sản xuất, đăng ký lưu hành, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, quản lý, tàng trữ và sử dụng 56 chất trên tất cả các loài động vật thủy sinh và trên cạn, kể cả khi các chất này được sử dụng riêng lẻ, phối hợp, làm nguyên liệu, có trong thuốc thú y thành phẩm hoặc làm thành phần thức ăn chăn nuôi. Nghị quyết đồng thời quy định hạn chế cụ thể đối với clenbuterol, gentian violet, nhóm nitroimidazole, avermectin, sulfonamide, chất kháng khuẩn dùng làm chất kích thích sinh trưởng hoặc cải thiện năng suất, methylene blue và chlorpromazine. Trong đó, clenbuterol chỉ được phép sử dụng cho ngựa theo các chỉ định phù hợp với Codex Alimentarius, gentian violet và methylene blue chỉ được phép sử dụng ngoài da cho động vật trên cạn, nitroimidazole chỉ được phép sử dụng cho chó và mèo, còn thuốc tiêm chứa ivermectin, abamectin hoặc doramectin dùng cho động vật sản xuất

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thực phẩm bị cấm khi nồng độ vượt quá 1%. Đối với sulfonamide, việc sử dụng được phép ở các loài động vật nhưng không áp dụng cho động vật giết xác và bò đang cho sữa. Việc sử dụng chất kháng khuẩn làm chất kích thích sinh trưởng bị cấm đối với thủy sản, động vật nhai lại và ong, trong đó thủy sản và động vật nhai lại chỉ được sử dụng với mục đích điều trị có căn cứ, còn đối với ong cấm sử dụng chất kháng khuẩn nói chung. Nghị quyết cũng bổ sung quy định đối với các cơ sở thuộc Hệ thống sản xuất bò phân tách (Sistema Segregado de Producción Bovina-SSPB), bao gồm cấm beta-agonist dùng cho tác dụng đồng hóa và hạn chế việc sử dụng các chất đồng hóa, thuốc cầu trùng làm chất kích thích sinh trưởng. Đối với động vật và sản phẩm động vật xuất khẩu, các yêu cầu cấm hoặc hạn chế thuốc thú y được áp dụng theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu. <i>Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 13/8/2026.</i>
19	G/SPS/N/USA/3598	TTBVT	Hoa Kỳ	02/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức tối đa dư lượng đối với muối natri của acifluorfen trên củ cải đường.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức tối đa dư lượng đối với muối natri của acifluorfen trên củ cải đường. Theo đó, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) quy định mức dư lượng cho phép của hoạt chất này trên hoặc trong củ cải đường lấy củ là 0,06 ppm, theo đề nghị của UPL NA, Inc. và căn cứ Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDC). Quy định này liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm, áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định được ban hành, công bố và có hiệu lực từ ngày 29/9/2026. Thời hạn gửi góp ý trước ngày 30/11/2026.
20	G/SPS/N/EU/985	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2115 ngày 23/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng menadione sodium bisulphite (vitamin K3) và menadione nicotinamide bisulphite (vitamin K3) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2115 ngày 23/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng menadione sodium bisulphite (vitamin K3) và menadione nicotinamide bisulphite (vitamin K3) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Hai chất này thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự, đồng thời Quy định bãi bỏ Quy định (EU) 2015/2307. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), menadione sodium bisulphite và menadione nicotinamide bisulphite tiếp tục an toàn đối với tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường trong các điều kiện sử dụng đã được cấp phép. Tuy nhiên, EFSA cho rằng việc phơi nhiễm của người sử dụng với hai chất này qua bất kỳ đường nào đều có rủi ro và cần được hạn chế tối đa. EFSA không yêu cầu đánh giá lại hiệu quả của các phụ gia do hồ sơ gia hạn không đề xuất thay đổi điều kiện sử dụng có ảnh hưởng đến hiệu quả, đồng thời không yêu cầu biện pháp giám sát đặc biệt sau khi đưa ra thị trường. Quy định áp dụng cho tất cả các loài động vật và không quy định mức hàm lượng tối thiểu hoặc tối đa trong thức ăn hỗn hợp. Đối với menadione sodium bisulphite, phụ gia phải có độ tinh khiết tối thiểu 96% phức hợp MSB, tương ứng tối thiểu 50% menadione, với hàm lượng chromium III và IV không quá 45 mg/kg. Khi ghi

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhân, 1 mg vitamin K3 tương đương 1 mg menadione và 2 mg menadione sodium bisulphite. Đối với menadione nicotinamide bisulphite, độ tinh khiết tối thiểu là 96% phức hợp, tương ứng tối thiểu 43,9% menadione và 31,2% nicotinamide, với hàm lượng chromium III và IV không quá 142 mg/kg. Khi ghi nhãn, 1 mg vitamin K3 tương đương 1 mg menadione và 2,27 mg menadione nicotinamide bisulphite. Cả hai phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro, đặc biệt đối với phơi nhiễm chromium qua đường hô hấp hoặc qua da, và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 14/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 14/10/2036. <i>Quy định được thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
21	G/SPS/N/EU/984	CNTY, TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2158 ngày 28/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu nụ đinh hương, tinh dầu lá đinh hương và phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương từ <i>Syzygium aromaticum</i> (L.) Merr. & L.M. Perry làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2158 ngày 28/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu nụ đinh hương, tinh dầu lá đinh hương và phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương từ <i>Syzygium aromaticum</i> (L.) Merr. & L.M. Perry làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Các phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng các phụ gia này trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), ba phụ gia trên không gây lo ngại về an toàn đối với động vật vỗ béo và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với các loài khác, động vật sống lâu và động vật sinh sản khi sử dụng ở các mức tối đa quy định cho từng loài. Việc sử dụng theo điều kiện đề xuất cũng không gây lo ngại đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, các phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt và gây mẫn cảm qua da, đường hô hấp. Do người sử dụng có thể phơi nhiễm với methyleugenol, mức độ phơi nhiễm cần được hạn chế. Quy định đưa ra mức hàm lượng tối đa riêng cho từng loại phụ gia và từng loài, nhóm động vật trong thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Đối với tinh dầu nụ đinh hương, mức tối đa dao động từ 25-50 mg/kg đối với phần lớn nhóm động vật, trong đó gà tây vỗ béo là 43 mg/kg, gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo 32 mg/kg, lợn vỗ béo 50 mg/kg, mèo 25 mg/kg. Đối với tinh dầu lá đinh hương, mức tối đa dao động từ 28-100 mg/kg, trong đó gà tây vỗ béo 48 mg/kg, lợn vỗ béo 77 mg/kg, lợn sinh sản

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						95 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 100 mg/kg, chó 100 mg/kg, mèo 28 mg/kg. Đối với phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương, mức tối đa dao động từ 20-114 mg/kg, trong đó gà tây vỗ béo 34 mg/kg, lợn vỗ béo 54 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 114 mg/kg, cá hồi và các loài cá vây nhỏ 112 mg/kg, chó 50 mg/kg và mèo 20 mg/kg. Các phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Việc sử dụng đồng thời với các phụ gia khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiol, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 19/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 19/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 19/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 19/10/2036. Quy định được thông qua ngày 28/9/2026, công bố ngày 29/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
22	G/SPS/N/EU/983	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2129 ngày 24/9/2026 về việc gia hạn cấp phép sử dụng L-cysteine hydrochloride monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2129 ngày 24/9/2026 liên quan đến việc gia hạn cấp phép sử dụng L-cysteine hydrochloride monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/2306. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, niêm mạc. Quy định không đặt giới hạn hàm lượng tối đa bắt buộc nhưng yêu cầu ghi hàm lượng tối đa khuyến nghị trên nhãn sản phẩm là 25 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix cho mèo/chó sản xuất trước 15/4/2027; thức ăn hỗn hợp cho mèo/chó sản xuất trước 15/10/2028. Quy định thông qua ngày 24/9/2026, công bố ngày 25/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.
23	G/SPS/N/EU/982	CNTY, TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2128 ngày 18/9/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu sả chiết xuất từ <i>Cymbopogon nardus</i> (L.) Rendle làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2128 ngày 18/9/2026 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu sả chiết xuất từ <i>Cymbopogon nardus</i> (L.) Rendle làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép dùng trong nước uống và yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp và cần giảm thiểu phơi nhiễm methylhexenol. Quy định ban hành các

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						giới hạn hàm lượng tối đa đối với tinh dầu sả, tính bằng miligam hoạt chất trên kilogam thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng theo từng loài động vật. Mức giới hạn tối đa được áp dụng cho gà tây vỗ béo là 24,0 mg/kg; đối với gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo là 18,0 mg/kg; đối với tất cả gia cầm nuôi để đẻ hoặc nhân giống và chim cảnh là 3,5 mg/kg; đối với lợn vỗ béo và lợn giống nhỏ là 20,0 mg/kg; đối với lợn con (bú và cai sữa) là 3,5 mg/kg; đối với tất cả lợn giống sinh sản là 6,0 mg/kg; đối với bê vỗ béo (tối đa 6 tháng tuổi), cừu và dê vỗ béo là 20,0 mg/kg; đối với mèo và các loài động vật khác là 2,0 mg/kg. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix sản xuất trước 11/4/2027; thức ăn cho động vật lấy thực phẩm trước 11/10/2027; cho động vật không lấy thực phẩm trước 11/10/2028. Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.
24	G/SPS/N/EU/981	CNTY, TTBVT	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2113 ngày 23/9/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu hương thảo chiết xuất từ <i>Salvia rosmarinus</i> Spenn. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2113 ngày 23/9/2026 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu hương thảo chiết xuất từ <i>Salvia rosmarinus</i> Spenn. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép dùng trong nước uống và yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp. Quy định ban hành các giới hạn hàm lượng tối đa đối với tinh

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dầu hương thảo, tính bằng miligam hoạt chất trên kilogam thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng theo từng loài động vật. Mức giới hạn tối đa được áp dụng cho gà tây vỗ béo là 20,8 mg/kg; đối với gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo là 18,0 mg/kg; đối với tất cả gia cầm nuôi để đẻ hoặc nhân giống, chim cảnh, lợn vỗ béo, lợn giống nhỏ, lợn con (bú và cai sữa) và cá cảnh là 20,8 mg/kg; đối với chó là 20,8 mg/kg; đối với mèo là 14,1 mg/kg; đối với các loài và loại động vật khác là 14,1 mg/kg. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix sản xuất trước 14/4/2027; thức ăn cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027; cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. Quy định thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.
25	G/SPS/N/EU/980	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2110 ngày 23/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu Origanum chiết xuất từ <i>Origanum majorana</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2110 ngày 23/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu Origanum chiết xuất từ <i>Origanum majorana</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng tinh dầu kinh giới trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), tinh dầu Origanum an toàn đối với tất cả các loài động vật vỗ béo và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với động vật sống

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lâu và động vật sinh sản ở mức sử dụng tối đa 10 mg/kg thức ăn hỗn hợp. Việc sử dụng phụ gia theo điều kiện đề xuất không gây lo ngại về an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt và gây mẫn cảm qua da, đường hô hấp. Do có chứa estragole, chất có khả năng gây độc gen và ung thư, việc phơi nhiễm của người sử dụng cần được hạn chế tối đa. Quy định xác định hàm lượng tối đa của tinh dầu Origanum là 10 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Thành phần tinh dầu có hàm lượng estragole không quá 0,29% và myristicin không quá 0,001%. Việc sử dụng đồng thời tinh dầu kinh giới với các phụ gia khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiol, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ da, mắt và đường hô hấp khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 14/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 14/10/2036. Quy định được thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
26	G/SPS/N/EU/979	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2091 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn vỗ béo.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2091 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn vỗ béo. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia công nghệ, nhóm chức năng chất chống vón cục. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa an toàn ở mức tối đa 20.000 mg/kg thức ăn hỗn hợp đối với các nhóm động vật được cấp phép, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng đề xuất. Phụ gia không gây kích ứng da hoặc mắt nhưng có thể gây mẩn ngứa qua da và đường hô hấp, do đó cần hạn chế phơi nhiễm. EFSA cũng kết luận chất này có hiệu quả làm chất chống vón trong thức ăn chăn nuôi. Quy định xác định hàm lượng tối đa của clinoptilolite từ tất cả các nguồn là 20.000 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Phụ gia phải chứa ít nhất 85% clinoptilolite, hàm lượng khoáng feldspar, mica và đất sét không quá 15%, nickel không quá 0,1 mg/kg, silica tinh thể có khả năng hô hấp không quá 0,1% và không chứa amiăng. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro. Trường hợp không loại bỏ được nguy cơ, người sử dụng phải sử dụng thiết bị bảo hộ da và đường hô hấp, đồng thời chú ý nguy cơ hít phải silica tinh thể và nickel. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
27	G/SPS/N/EU/978	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2090 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu đại hồi chiết xuất từ <i>Illicium verum</i> Hook.f. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2090 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu đại hồi chiết xuất từ <i>Illicium verum</i> Hook.f. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng tinh dầu đại hồi trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), việc sử dụng tinh dầu đại hồi theo các điều kiện quy định không gây lo ngại về an toàn đối với động vật, người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt, gây mẫn cảm da và đường hô hấp. Do có chứa estragole, chất được xếp vào nhóm nghi ngờ gây đột biến gen và ung thư, mức độ phơi nhiễm cần được hạn chế tối đa. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi các biện pháp kiểm soát khác không loại bỏ được rủi ro. Quy định đưa ra hàm lượng tối đa của tinh dầu đại hồi trong thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12% theo từng loài, nhóm động vật, trong đó một số mức đáng chú ý gồm: gà tây vỗ béo 24,8 mg/kg, gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo 18,5 mg/kg, lợn vỗ béo 40,0 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 83,3 mg/kg, cừu và dê vỗ béo 73,3 mg/kg, động vật họ thỏ vỗ béo 29,3 mg/kg, cá hồi và các loài cá vây nhỏ 83,8 mg/kg, chó 1,9 mg/kg, mèo 1,6 mg/kg và cá cảnh 6,5 mg/kg. Đối với nhiều nhóm động vật nuôi sinh sản hoặc các loài, nhóm khác, giới hạn dao động từ 0,6–1,6 mg/kg. Việc sử dụng đồng thời với các phụ gia khác chỉ được phép khi tổng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiole, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 11/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 11/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 11/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.
28	G/SPS/N/EU/977	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2087 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng L-isoleucine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2087 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng L-isoleucine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo đó, L-isoleucine được sản xuất bằng <i>Corynebacterium glutamicum</i> CCTCC M 2022764, thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng axit amin, muối và các chất tương tự, được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và nước uống cho tất cả các loài động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), phụ gia này an toàn đối với vật nuôi khi được bổ sung với lượng phù hợp nhu cầu dinh dưỡng, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, EFSA lưu ý nguy cơ mất cân bằng dinh dưỡng và vấn đề vệ sinh khi sử dụng qua nước uống. Đối với động vật nhai lại, L-isoleucine phải được bảo vệ khỏi sự phân giải trong dạ cỏ.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định yêu cầu nhãn phụ gia và premix lưu ý việc bổ sung L-isoleucine phải tính đến tổng lượng các axit amin thiết yếu và axit amin thiết yếu có điều kiện để tránh mất cân bằng dinh dưỡng. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân khi cần thiết. Thời hạn cấp phép đến ngày 11/10/2036. <i>Quy định được công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 11/10/2026.</i>
29	G/SPS/N/EU/976	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2084 ngày 18/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng các dạng tocopherol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2084 ngày 18/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng các dạng tocopherol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo đó, Quy định gia hạn việc sử dụng chiết xuất tocopherol từ dầu thực vật, chiết xuất giàu tocopherol từ dầu thực vật (giàu delta) và alpha-tocopherol thuộc nhóm phụ gia công nghệ, nhóm chức năng chất chống oxy hóa, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/1152. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), các chất này tiếp tục an toàn đối với vật nuôi, người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng đã được cấp phép. Tuy nhiên, các chất có thể gây mất cân bằng da và đường hô hấp, vì vậy cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân khi cần thiết. Quy định cũng đưa ra các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, premix, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. Quy định được công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 11/10/2026.
30	G/SPS/N/USA/3300/Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	01/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về việc cấp phép sử dụng men nướng bánh mì bất hoạt vitamin D2 (vitamin D2 inactive bakers' yeast) như một nguồn cung cấp vitamin D2 trong các danh mục thực phẩm cụ thể cho người.	Hoa Kỳ ban hành quy định về việc cấp phép sử dụng men nướng bánh mì bất hoạt vitamin D2 (vitamin D2 inactive bakers' yeast) như một nguồn cung cấp vitamin D2 trong các danh mục thực phẩm cụ thể cho người. Theo đó, phụ gia được phép sử dụng trong các loại thực phẩm với định mức giới hạn hàm lượng vitamin D2 tối đa như sau: 350 IU/100 g đối với ngũ cốc ăn sáng; 90 IU/100 g cho sản phẩm ngũ cốc và mì ống; 400 IU/100 g cho các sản phẩm bánh nướng, đồ ăn nhẹ và bột nướng lên men. Đối với nhóm đồ uống, định mức là 100 IU/240 mL cho sinh tố trái cây, nước ép rau củ, nước ép trái cây 100% và thức uống từ nước ép trái cây (có bổ sung canxi đáp ứng ngưỡng quy định, không áp dụng cho sản phẩm của trẻ sơ sinh); 84 IU/100 g đối với đồ uống từ thực vật thay thế sữa; và 89 IU/100 g đối với đồ uống từ đậu nành và sản phẩm thực vật thay thế sữa chua. Với các sản phẩm thay thế khác, mức quy định là 330 IU/100 g cho sản phẩm phết từ đậu nành thay thế bơ và 270 IU/100 g cho sản phẩm đậu nành thay thế phô mai. Ngoài ra, định mức cũng quy định 80 IU/28 g cho đồ ăn nhẹ từ rau củ dạng ép đùn; 80 IU/85 g cho sản phẩm protein thực vật; 100 IU/245 mL đối với súp và hỗn hợp súp (trừ các loại chịu sự quản lý của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ); 100 IU/40 g cho thanh thay thế bữa ăn nhằm giảm cân; 140 IU/240 mL cho thức uống thay thế bữa ăn từ protein đậu nành nhằm giảm cân; và 500 IU/240 mL đối với thức uống

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thay thế bữa ăn không nhằm giảm cân (với điều kiện tổng lượng vitamin D không vượt quá 1.000 IU/ngày). Quy định này được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FD&C Act) trên cơ sở kiến nghị của Lallemand Inc. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration - FDA) đã tiến hành thẩm định dữ liệu khoa học để ban hành các thông số kỹ thuật kiểm soát chặt chẽ đối với phụ gia (như độ ẩm dưới 7%, âm tính với các vi khuẩn gây bệnh như <i>Salmonella</i> và <i>E. coli</i>, cùng các giới hạn nghiêm ngặt về kim loại nặng như chì không quá 0,5 mg/kg và thạch tín không quá 0,3 mg/kg). Bên cạnh đó, quy trình chế biến của phụ gia cũng được quy định rõ bằng việc chiếu tia cực tím (UV) vào men nướng bánh mì (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>) để sinh ra vitamin D2, sau đó dùng nhiệt để bất hoạt men nhằm đảm bảo tính an toàn cho người sử dụng. Thời hạn góp ý trước ngày 26/10/2026.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương.